

Bản án số: 243/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-10-2018
V/v “Ly hôn & tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1020/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Trà M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Các bên đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2018, nguyên đơn bà Phạm Thị Trà M trình bày: Bà M và ông N cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N ham chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau và ông N có hành vi đánh đập bà M. Bà M từng nộp đơn xin ly hôn nhưng ông N tha thiết đoàn tụ và cam kết sẽ sửa đổi nên bà M đã rút đơn nhưng ông N vẫn không thay đổi. Nay bà M khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Phạm Thị Trà M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/11/2009 và Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 11/3/2015, hiện cả 02 con chung đang sống với

ông N. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng P và đồng ý để ông N nuôi cháu Nguyễn Hoàng Ph, không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày trong biên bản hòa giải ngày 14/9/2018 và tại phiên tòa như sau: ông N thống nhất điều kiện kết hôn và con chung, tình trạng hôn nhân như bà M trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông N thừa nhận trước đây có ham chơi cờ bạc nhưng hiện nay ông N đã sửa đổi, hiện tại do bà M có tình cảm với người khác không còn quan tâm chăm lo cho gia đình. Nay do còn thương vợ con nên ông N không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ để cùng vợ chăm lo cho con chung.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/11/2009 và Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 11/3/2015, hiện cả 02 con chung đang sống với ông N. Khi ly hôn, ông N yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Trà M không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn ông Nguyễn Thành N không có đơn phản tố, xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Trà M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành N, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 14/02/2007 nên hôn nhân giữa bà M và ông N là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông N: Bà M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông N thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Xét lời trình bày của bà Phạm Thị Trà M về nguyên nhân mâu thuẫn được ông N thừa nhận và thực tế bà M, ông N đã ly thân từ tháng tháng 6 năm 2018 đến nay và không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa bà M cương quyết ly hôn còn ông N mong muốn được đoàn tụ nhưng không nêu được biện pháp hàn gắn, hơn nữa bà M cung cấp quyết định đình chỉ số 198/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2018 để chứng minh đã từng

kiện và rút đơn để cho ông N cơ hội hàn gắn nhưng ông N vẫn không thay đổi. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Thành N đã mâu thuẫn trầm trọng, nên bà Phạm Thị Trà M yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thành N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Thành N thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/11/2009 và Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 11/3/2015, hiện cả 02 con chung đang sống với ông N. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Ph và đồng ý để ông N nuôi cháu Nguyễn Hoàng P. HĐXX xét tại bản tự khai ngày 14/9/2018 thì cháu Nguyễn Hoàng P có nguyện vọng được sống với ông N. Do đó, HĐXX thấy để ông N tiếp tục nuôi con Nguyễn Hoàng P và con chung Nguyễn Hoàng Ph còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của mẹ nên cần giao con Nguyễn Hoàng Ph cho bà M nuôi là phù hợp và đúng nguyện vọng của các con, phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Thành N thống nhất không ai phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Thành Nam thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Trà M phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Trà M với ông Nguyễn Thành N.

Bà Phạm Thị Trà M được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Trà M được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Phi, sinh ngày 11/3/2015. Ông Nguyễn Thành N được quyền nuôi

con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/11/2009. Hiện cả hai con chung đang sống với ông N.

Buộc ông Nguyễn Thành N phải giao con chung tên Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 11/3/2015 cho bà Phạm Thị Trà M nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Thành N không ai phải cấp dưỡng.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

5. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Thành N thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Phạm Thị Trà M phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai số 0001669 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Phạm Thị Trà M đã nộp xong án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã H (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Lin – Nguyễn Thanh Hoàng

Nguyễn Khắc Linh Duy

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Đỗi – Trương Thị Kim Tiến

Nguyễn Khắc Linh Duy

